

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30 – 3 – 2021  
V/v tranh chấp HNGĐ  
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Mai Hương  
2. Ông Trần Văn Bé Hai

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp 6, xã BS, huyện A, Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp 6, xã BS, huyện A, Đồng Tháp.

*(Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giấy đăng ký kết hôn cấp ngày 18/4/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do anh H cờ bạc gây nợ nần, chị T có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không từ bỏ. Chị T và anh H đã không còn chung sống từ tháng 01/2020. Chị T có tìm cách hàn gắn tình cảm với anh H

nhưng không thành. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011 và Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018.

Chị T đồng ý để anh H nuôi con Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011 chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Chị T yêu cầu nuôi con là Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

**Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Văn H là bị đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh H có tham gia cờ bạc nhưng cũng có từ bỏ dần dần. Anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng T do anh H còn thương các con, không muốn các con có gia đình không trọn vẹn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011 và Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018.

Anh H đồng ý để cho chị T nuôi con Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018 anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu nuôi con là Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Hồng T (Photo);
- Giấy đăng ký kết hôn (Bản chính)
- Trích lục giấy khai sinh Trần Trọng Phúc (Bản sao)
- Giấy khai sinh Trần Trọng Khang (Bản sao)
- Đơn xác nhận nơi cư trú (Bản chính)

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 23/3/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Trần Văn H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết Tộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn với chị T.

Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18 tháng 4 năm 2014, do đó hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H tham gia cờ bạc, không chăm sóc vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T.

- Về con chung: Chị T và anh H thống nhất thỏa Tận:

Chị T được nuôi con Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018.

Anh H được nuôi con là Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị T, anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh H có tài sản chung nhưng tự thỏa Tận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh H không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị T và anh H thống nhất thỏa Tận:

Chị T được nuôi con Trần Trọng Phúc, sinh ngày 28/12/2018.

Anh H được nuôi con là Trần Trọng Khang, sinh ngày 19/12/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị T, anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012317 ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Ngọc Minh**

